

Số: **1359**/UBND-KT

Bình Định, ngày **27** tháng 3 năm 2017

V/v báo cáo kinh phí hỗ trợ khắc
phục thiệt hại về giống cây trồng do
các đợt mưa lũ cuối năm 2016 gây
ra theo Quyết định số
142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng
Chính phủ

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Ngày 18/01/2017, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 220/UBND-KT về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí cho diện tích lúa bị thiệt hại do mưa lũ cuối năm 2016 tại tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Sau khi tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại về giống cây trồng các loại do mưa lũ gây ra cuối năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Định như sau:

1. Diện tích các loại cây trồng bị thiệt hại:

*** Tổng giá trị thiệt hại: 51.228,9 triệu đồng**, trong đó:

- Diện tích lúa thuần bị thiệt hại: 19.762,6 (thiệt hại 30-70%: 1.044,1 ha; thiệt hại hơn 70%: 18.718,5 ha);
- Diện tích lúa lai bị thiệt hại: 630,4 ha (thiệt hại 30-70%: 1,5 ha; thiệt hại hơn 70%: 628,9 ha);
- Diện tích ngô và rau màu bị thiệt hại: 3.662,6 ha (thiệt hại 30-70%: 259 ha; thiệt hại hơn 70%: 3.403,6 ha);
- Diện tích cây công nghiệp bị thiệt hại: 1.004,3 ha (thiệt hại 30-70%: 309,8 ha; thiệt hại hơn 70%: 694,5ha);
- Diện tích cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại: 117 ha (thiệt hại 30-70%: 36,5 ha; thiệt hại hơn 70%: 80,5 ha).

2. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: 51.228,9 triệu đồng (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

(Chi tiết có phụ lục đính kèm)

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% là 35.860,2 triệu đồng và Ngân sách địa phương tự đảm bảo 30% là 15.368,7 triệu đồng.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm xem xét giải quyết./. *ll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở: Tài chính, NN&PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K7, K10 (8b) *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu
Trần Châu

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT

VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO CÁC ĐỢT MƯA LŨ CUỐI NĂM 2016

(Từ ngày 30 tháng 10 đến ngày 16 tháng 12 năm 2016)

Kèm theo Văn bản số **1359/UBND-KT** ngày **27/3/2017** của UBND tỉnh)



TT	Chi tiêu	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG				
		Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%					Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đồng)	Trong đó			
			Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)		NSTW hỗ trợ (tr.đồng) (70%)	NSDP đảm bảo (tr.đồng) (30%)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đồng)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đồng)
	TỔNG SỐ	51.228,9	18.718,5	628,9	3.403,6	694,5	80,5	1.044,1	1,5	259,0	309,8	36,5	51.228,9	35.860,2	15.368,7	0,0	0,0
1	Phù Cát	15.943,4	6.169,6	0,0	724,0	197,2	0	873,1	0	45,5	224,4	0	15.943,4	11.160,4	4.783,0	0	0
2	Hoài Nhơn	5.890,1	2.545,6	0,0	294,7	20,2	9,7	0	0	56,3	12,3	4,5	5.890,1	4.123,1	1.767,0	0	0
3	Tuy Phước	1.440,6	277,3	145,8	224,4	0	0	0	0	0	0	0	1.440,6	1.008,5	432,2	0	0
4	An Lão	775,6	37,0	0,0	250,0	49,4	1	0	0	0	0	0	775,6	542,9	232,7	0	0
5	Vĩnh Thạnh	978,4	377,2	0,0	112,0	0	0	0	0	0	0	0	978,4	684,9	293,5	0	0
6	Hoài Ân	2.463,7	538,8	166,8	252,0	29,1	61,8	0	0	3,5	1,5	5,7	2.463,7	1.724,6	739,1	0	0
7	Quy Nhơn	672,8	132,3	118,8	3,4	0	0	0	0	3,5	0	20,7	672,8	470,9	201,8	0	0
8	Phù Mỹ	13.715,0	5.476,0	0,0	1.126,0	87	5	0	0	124,9	8,5	0,6	13.715,0	9.600,5	4.114,5	0	0
9	Vân Canh	1.374,4	348,5	197,5	7,5	0	3	0	0	6,1	20,9	5	1.374,4	962,1	412,3	0	0
10	Tây Sơn	3.446,7	704,2	0,0	383,5	248,6	0	171	1,5	19,2	42,2	0	3.446,7	2.412,7	1.034,0	0	0
11	An Nhơn	4.528,2	2.112,1	0,0	26,0	63		0	0	0	0	0	4.528,2	3.169,7	1.358,4	0	0